

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 27-3-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi

2. Ông Đinh Ngọc Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST- DS ngày 20/11/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Hiền L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Đều ở địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Bà L, ông H có mặt; bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà Ngô Thị Hiền L trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 25/6/2015, bà có cho vợ chồng ông H, bà T vay số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng; mục đích ông H, bà T vay tiền của bà là để trả công cho thợ xây dựng. Đến trước ngày 10/12/2021, vợ chồng ông H, bà T đã trả được cho bà số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Ngày 10/12/2021, hai bên chốt số tiền vợ chồng ông H, bà T còn nợ bà là 40.000.000 đồng, lãi xuất thỏa thuận là 01%/tháng. Từ đó đến nay bà đã nhiều lần đòi ông H, bà T phải trả số tiền trên nhưng vợ chồng ông H, bà T không trả, bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả số

tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2021 đến ngày xét xử là 8.832.000 đồng. Nguồn gốc số tiền bà cho ông H, bà T vay là tiền riêng của bà.

*** Trong bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Vợ chồng ông và bà Ngô Thị Hiền L có mối quan hệ cô-cháu; trong quá trình sinh sống, vợ chồng ông có nhiều lần sang vay tiền của bà L. Tính đến ngày 10/12/2021, giữa vợ chồng ông và bà L có lập văn bản chốt tổng số tiền mà vợ chồng ông còn nợ của bà L là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng. Vợ chồng ông nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà L; sẽ trả nợ cho bà L số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi 8.832.000 đồng từ ngày chốt nợ đến nay theo như yêu cầu của bà L. Do làm ăn không thuận lợi nên ông đề nghị được trả dần cho bà L.

*** Trong bản tự khai ngày 27/11/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Vợ chồng bà và bà Ngô Thị Hiền L có mối quan hệ cô-cháu; vợ chồng bà có nhiều lần vay tiền của bà L, mục đích vay tiền để trả công thợ xây (chồng bà là chủ thầu xây dựng). Tính đến ngày 10/12/2021, vợ chồng bà còn nợ của bà L số tiền gốc 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi xuất là 01%/tháng. Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền 48.832.000 đồng (gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 8.832.000 đồng tiền lãi) bà hoàn toàn nhất trí; bà đề nghị được trả dần cho bà L số tiền trên.

Tranh luận: Bà L, ông H không có tranh luận.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Ngô Thị Hiền L khởi kiện về tranh chấp kiện hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T; ông H, bà T cư trú tại Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[2] Tại phiên tòa có mặt bà L, ông H; vắng mặt bà T; Tòa án xét xử có mặt bà L, ông H; vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo như giấy biên nhận nợ tính đến ngày 10/12/2021 thì ông H, bà T thừa nhận còn nợ bà L số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm; tính từ ngày 10/12/2021 đến thời điểm bà

L viết đơn khởi kiện lần đầu ngày 23/9/2023 vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến trình bày của bị đơn cùng các tài liệu các đương sự cung cấp thấy rằng: Ngày 10/12/2021, các đương sự có văn bản chốt các khoản nợ với nhau, cụ thể: Ông H, bà T có nợ bà L số tiền gốc 40.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi suất. Bà L yêu cầu buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2021 đến ngày xét xử là 8.832.000 đồng; ông H, bà T đều hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng đều có nguyện vọng xin được trả dần. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L; buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả cho bà L số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi 8.832.000 đồng. Tổng cộng là 48.832.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự có giá ngạch theo trị giá tài sản tranh chấp là 48.832.000 đồng, cụ thể: $48.832.000 \times 5/100 = 2.441.000$ đồng (làm tròn). Bà L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 155; Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hiền L, cụ thể: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Ngô Thị Hiền L số tiền 48.832.000 đồng (Bốn mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.441.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Bà L, ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Trác